

## Các Lực Lượng Trong Quốc Trong Chiến Tranh 1960-1975

T&#225;c Gi&#7843;: Tr&#225;n Gia Ph&#225;ng

Th&#7913; B&#7843;y, 05 Th&#225;ng 6 N&#259;m 2010 10:07

---

Chiến tranh cục bộ xâm lược của VNDCCH (Chiến tranh B&#225;c Việt) là quân đội VNCH. Quân đội Việt Nam Cộng Hòa (QĐVNCH) là hậu thân của Quân đội Quốc Gia Việt Nam (QGVN).

### 1. VIỆT NAM CỘNG HÒA (NAM VIỆT NAM)

Chiến tranh cục bộ xâm lược của VNDCCH (Chiến tranh B&#225;c Việt) là quân đội VNCH. Quân đội Việt Nam Cộng Hòa (QĐVNCH) là hậu thân của Quân đội Quốc Gia Việt Nam (QGVN).

Quân đội QGVN được thành lập tại Hội nghị cao cấp Pháp Việt ngày 5-11-1950 tại Đà Lạt, giữa các trưởng Bộ Ngoại, Thủ tướng Trần Văn Hữu và Phan Văn Giáo, chánh thanh tra quân đội (hàm trung tướng ngày 4-4-1950) phía QGVN, và Jean Letourneau, bộ trưởng Các quốc gia liên hiệp và đội trưởng Alphonse Juin, tướng thanh tra quân đội Pháp về phía Pháp. Hội nghị đã diễn tiến trong vòng 5 năm, QĐQGVN số gồm 115,000 người, với quân trang và vũ khí do Hoa Kỳ viện trợ. Trong giai đoạn đầu, Pháp số cho mượn sĩ quan, kinh phí số do ngân sách Việt Nam và viện trợ Hoa Kỳ đài thọ

Theo hiệp định quân sự ngày 8-12-1950 tại Sài Gòn giữa các trưởng Bộ Ngoại cùng Thủ tướng Trần Văn Hữu ký với cao ủy Pháp tại Đông Dương là Léon Pignon, thì từ đây QĐQGVN thuộc thẩm quyền của các trưởng Việt Nam, có các quan liên lạc với Quân đội Liên Hiệp Pháp (LHP). Tổng thể lực lượng quân đội LHP tại Đông Dương nhằm quy định chủ huy tại cao, nhưng các đơn vị Việt Nam có cấp chủ huy người Việt. (1)

Nghị định 147/QĐ/ND ngày 12-4-1952 quy định thành lập Bộ Tổng tham mưu QĐQGVN. Ngày 1-7-1952, bộ Tổng tham mưu đã chia toàn thể lãnh thổ QGVN thành 4 quân khu:

Đầu tiên quân khu : Nam Việt.

Đầu tiên quân khu : Trung Việt.

Đầu tiên quân khu : B&#225;c Việt, kể cả cao nguyên B&#225;c Việt.

Đầu tiên quân khu : Cao nguyên Trung Việt.(2)

Sau Hiệp định Genève (20-7-1954), hệ thống quân khu trên đây thay đổi vì Đầu tiên quân khu là

## Các Lực Lượng Trong Nước Trong Chiến Tranh 1960-1975

Tài liệu: Trích Gia Phả

Thư số: B&#7843;y, 05 Th&#225;ng 6 N&#259;m 2010 10:07

---

Bộ Chỉ huy thu nhập và nhà cầm quyền phía bắc vĩ tuyến 17. Năm 1956, hệ thống quân khu QĐVNCH được chia như sau:

Đơn vị quân khu : Các tỉnh miền Đông Nam phần

Đơn vị quân khu : Trung phần (không thay đổi)

Đơn vị quân khu : Kontum, Pleiku, Bình Định, Phú Yên

Đơn vị quân khu : Các tỉnh phía nam Cao nguyên Trung phần và phía nam duyên hải Trung phần

Đơn vị quân khu : Các tỉnh miền Tây Nam phần

Quân khu Thủ đô : Sài Gòn, Gia Định, Long An (Sau Long An tách khỏi QKTĐ) (3)

Vào tháng 12-1954, quân đội QGVN gồm 165,000 binh chính quy và 65,000 quân địa phương (phần lớn quân).(4) Khi QGVN trở thành VNCH, thì quân đội QGVN được đổi thành Quân đội VNCH.

Các đơn vị của QĐVNCH được tổ chức thành lập: Quân đoàn I ngày 1-6-1957, Quân đoàn II ngày 1-10-1957, Quân đoàn III ngày 1-3-1959. Sau đó, ngày 13-4-1961, số chỉ số SL.98/QP chia lại lãnh thổ thành ba vùng chiến thuật (CT) và Biệt khu Thủ Đô. Cần chú ý là quân khu và vùng chiến thuật là khu vực quân sự, còn quân đoàn là đơn vị quân sự đóng trên các khu vực quân sự.

Ba vùng chiến thuật theo số chỉ số SL.98/QP ngày 13-4-1961 như sau: Vùng I CT gồm các tỉnh từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi, do Quân đoàn I trực tiếp đóng. Vùng II CT gồm Cao nguyên Trung phần và các tỉnh từ Bình Định vào Bình Thuận, do Quân đoàn II trực tiếp đóng. Vùng III CT gồm các tỉnh từ Bình Tuy vào Nam do quân đoàn III trực tiếp đóng.

Tháng 5-1961, tân phó tổng thống Hoa Kỳ là Lyndon Johnson đến thăm Việt Nam. Sau khi Johnson trở về Hoa Kỳ, tổng thống Ngô Đình Diệm đề nghị tăng thêm 100,000 quân, nghĩa là từ 170,000 lên 270,000 người, nhưng lúc đó phía Hoa Kỳ đề nghị giúp tăng thêm 30,000 người từ tháng 8-1961.(5) Sau đó, tháng 12-1962 quân sự tăng lên 205,000 (binh), 5,000 không quân, 5,000 Hải quân và 67,000 Địa phương quân.(6)

Từ ngày 1-1-1963, một đơn vị mới được thành lập, đó là Quân đoàn IV và Vùng IV CT.(7) Vì

## Các Lực Lượng Trong Nước Trong Chiến Tranh 1960-1975

T&#225;c Gi&#7843;: Trần Gia Ph&#225;ng

Th&#7913; B&#7843;y, 05 Th&#225;ng 6 N&#259;m 2010 10:07

---

v&#225;y Nam ph&#225;n đ&#225;c chia l&#225;i: Vùng III CT g&#225;m các t&#225;nh Bình Tuy, Ph&#225;c Long, Bình Long, Bình D&#225;ng, Biên Hòa, Long Khánh, Ph&#225;c Tuy, Tây Ninh, H&#225;u Ngh&#225;a, Long An. Vùng IV CT t&#225; Đ&#225;nh T&#225;ng xu&#225;ng t&#225;i Cà Mau.

D&#225;i các Vùng CT là các Khu CT (c&#225;p liên t&#225;nh), t&#225;u khu (c&#225;p t&#225;nh), chi khu (c&#225;p qu&#225;n). Th&#225;i chính ph&#225; Trần Văn H&#225;ng, ngày 27-11-1964, H&#225;i Đ&#225;ng Quân L&#225;c n&#225; đ&#225;nh l&#225;i các Vùng và Khu CT: Toàn qu&#225;c đ&#225;c chia thành 4 Vùng CT, 1 B&#225;t khu Th&#225; đ&#225; và 1 Đ&#225;c khu R&#225;ng S&#225;c. M&#225;t l&#225;n n&#225;a, vào th&#225;ng 7-1970, các Vùng CT đ&#225;i tr&#225; l&#225;i thành các quân khu.(8) Vì c&#225;p Vùng CT b&#225; thay th&#225;, nên khu CT b&#225; b&#225;i b&#225;, ch&#225; còn t&#225;u khu tr&#225;c thu&#225;c quân khu.

Sau khi chính ph&#225; Ngô Đình Di&#225;m s&#225;p đ&#225; năm 1963, c&#225;ng đ&#225; chi&#225;n tranh càng ngày càng ác li&#225;t. Do nhu c&#225;u chi&#225;n tr&#225;ng, quân s&#225; QĐVNCH gia tăng nhanh chóng:

363,787 (chính quy, nghĩa quân, đ&#225;a ph&#225;ng quân) 12-1964

443,165 (nt) 12-1965

633,645 (nt) 12-1966

678,728 (nt) 12-1967

866,728 (nt) 12-1968

883,730 (nt) 12-1969

1,054,125 (nt) 12-1970

1,046,254 (nt) 12-1971

1,089,982 (nt) 12-1972.(9)

Cho đ&#225;n khi ch&#225;m đ&#225;t cu&#225;c chi&#225;n năm 1975, s&#225; l&#225;ng trên đây ít thay đ&#225;i.

Ngày 19-6-1965, các t&#225;ng l&#225;nh QĐVNCH thành l&#225;p H&#225;i đ&#225;ng Quân l&#225;c và n&#225;m chính quy&#225;n. T&#225; đây QĐVNCH đ&#225;i thành Quân l&#225;c VNCH. Tr&#225;c năm 1971, QLVNCH g&#225;m 10 s&#225; đ&#225;n B&#225; binh. Th&#225;ng 10-1971, S&#225; đ&#225;n 3 B&#225; binh đ&#225;c thành l&#225;p, tr&#225; thành s&#225; đ&#225;n th&#225; 11 c&#225;a QLVNCH.

Theo l&#225;ng giá c&#225;a m&#225;t s&#225; chuyên viên quân s&#225;, tuy QLVNCH g&#225;m 11 s&#225; đ&#225;n và kho&#225;ng 1,100,000 quân, nh&#225;ng quân ch&#225; l&#225;c th&#225;c s&#225; chi&#225;n đ&#225;u ch&#225; kho&#225;ng trên d&#225;i 300,000. Ph&#225;n còn l&#225;i là Đ&#225;a ph&#225;ng quân, Nghĩa quân và các l&#225;c l&#225;ng h&#225;u c&#225;n.

Quân ch&#225;ng VNCH g&#225;m có L&#225;c quân v&#225;i 4 quân đ&#225;n (g&#225;m 11 s&#225; đ&#225;n B&#225; binh), Không quân,

## Các Lực Lượng Trong Nước Trong Chiến Tranh 1960-1975

T&#225;c Gi&#7843;: Trần Gia Ph&#225;ng

Th&#7913; B&#7843;y, 05 Th&#225;ng 6 N&#259;m 2010 10:07

---

H&#225;i quân. Binh chủng VNCH gồm Thi&#223;t giáp, Công binh, Quân vận, Truy&#223;n tin, Quân y, Lực lượng Đ&#223;c biệt, Liên đoàn 81 Biệt cách Dù và Lực lượng t&#223;ng tr&#223; bị gồm có Sĩ đoàn Nh&#225;y dù, Sĩ đoàn Thủy quân Lực chiến và 21 Liên đoàn Biệt động quân.

Lực lượng võ trang còn có Nghĩa quân và Đ&#223;a ph&#223;ng quân, đ&#223;ng chính thức sáp nhập vào QĐVNCH bằng sắc lệnh số 161/SL/CT ngày 22-5-1964.

Binh sĩ đ&#223;ng tuyển chọn có hai hạng: hạng tình nguyện và hạng quân d&#223;ch. Tình nguyện là những thanh niên tự ý tham gia quân đ&#223;i. Quân d&#223;ch gồm những thanh niên đ&#223;n 18 tuổi, không vì lý do gia đình, lý do học vấn, học nghề nghiệp, đ&#223;u thi hành quân d&#223;ch. Thi&#223;i h&#223;n quân d&#223;ch tùy hoàn cảnh chiến tranh. Lúc đ&#223;u 12 tháng, sau tăng 18 tháng và rồi 24 tháng. Đa số các t&#223;nh đ&#223;u có t&#223;ng huấn luyện tân binh, khóa căn bản quân sự 3 tháng, và t&#223;ng huấn luyện h&#223; sĩ quan, khóa học 6 tháng.

V&#223; cấp bậc sĩ quan, có hai t&#223;ng huấn luyện sĩ quan là là Tr&#223;ng Võ Bộ Quốc Gia Đà Lạt và Tr&#223;ng Sĩ Quan Bộ Binh Thủ Đức. Ngoài ra, có các t&#223;ng huấn luyện sĩ quan Không quân, Hải quân và t&#223;ng Chiến tranh chính tr&#223;.

Tr&#223;ng Võ Bộ Liên Quân Đà Lạt đ&#223;ng khánh thành ngày 5-11-1950. Năm 1959, t&#223;ng th&#223;ng Ngô Đình Di&#223;m ra lệnh cải tổ thành Tr&#223;ng Võ Bộ Quốc Gia Đà Lạt. Tr&#223;ng huấn luyện sĩ quan h&#223;n d&#223;ch chuyên nghiệp cho quân đ&#223;i. Lúc đ&#223;u, chương trình học chỉ 3 năm. Đ&#223;n năm 1966, nhà t&#223;ng áp dụng chương trình học 4 năm., lấy học viện West Point của Hoa Kỳ làm mẫu. Hai năm đ&#223;u sinh viên học chung. Hai năm sau, sinh viên học riêng theo quân chủng đã chọn: Lực lượng quân (b&#223; binh), Không quân, Hải quân.

Tr&#223;ng Sĩ Quan Tr&#223; bị Thủ Đức khai giảng ngày 9-10-1951, cùng một lúc với Tr&#223;ng Sĩ Quan Tr&#223; Bộ Nam Đ&#223;nh. Một khóa học trong 9 tháng. Sau khóa đ&#223;u tiên, t&#223;ng Nam Đ&#223;nh đóng cửa năm 1952. Tr&#223;ng SQTB Thủ Đức tiếp tục hoạt động, đ&#223;i tên năm 1955 thành Liên Tr&#223;ng Võ Khoa Thủ Đức. Năm 1963, t&#223;ng đ&#223;i tên lấy tên của thành Tr&#223;ng Bộ Binh Thủ Đức. Từ năm 1968, do tình hình chiến tranh, một năm nhà t&#223;ng đào tạo ba khóa cho đ&#223;n năm 1975.

Trung Tâm Hu&#223;n Luyện Không Quân đ&#223;ng thiết lập tại Nha Trang năm 1952, lúc đ&#223;u do các sĩ quan Pháp huấn luyện. Từ năm 1954, các sĩ quan Không quân đ&#223;u xuất thân từ các t&#223;ng Không quân của Pháp. Sau năm 1954, Trung tâm mở rộng ngày càng phát triển, tuy nhiên sau ph&#223;n

## Các Lực Lượng Trong Nước Trong Chiến Tranh 1960-1975

T&#225;c Gi&#7843;: Tr&#225;n Gia Ph&#225;ng

Th&#7913; B&#7843;y, 05 Th&#225;ng 6 N&#259;m 2010 10:07

---

hu&#225;n luy&#225;n căn b&#225;n, các sĩ quan đ&#225;u đ&#225;ng c&#225; g&#225;i du h&#225;c Hoa K&#225;. Đ&#225;n năm 1973, thì sĩ quan đ&#225;ng c&#225; đào t&#225;o t&#225;i ch&#225;. Trung tâm HLKQ Nha Trang g&#225;m các tr&#225;ng: Tr&#225;ng Hu&#225;n Luy&#225;n Phi hành, Tr&#225;ng Hu&#225;n Luy&#225;n K&#225; Thu&#225;t và Tr&#225;ng Hu&#225;n Luy&#225;n Quân S&#225;, Tr&#225;ng Sinh Ng&#225;.

Tr&#225;ng Sĩ Quan H&#225;i Quân đ&#225;ng c&#225; thành lập t&#225;i Nha Trang ngày 26-4-1955, chuyên đào t&#225;o sĩ quan H&#225;i quân cho Quân lực VNCH. Có m&#225;t số sĩ quan đ&#225;ng c&#225; g&#225;i qua h&#225;c t&#225;i Hoa K&#225;. Tr&#225;ng Đ&#225;i h&#225;c Chiến tranh Chính tr&#225; đ&#225;ng c&#225; thành lập t&#225;i Đà Lạt, theo s&#225;c l&#225;nh số 48/SL/QP ngày 18-3-1966, chính th&#225;c ho&#225;t đ&#225;ng ngày 1-1-1967. T&#225; đó đ&#225;n năm 1975, Đ&#225;i h&#225;c n&#225;y t&#225; ch&#225; đ&#225;ng c&#225; 6 khóa h&#225;c. Khóa 4 ra tr&#225;ng ngày 22-4-1975 và khóa 5 cùng khóa 6 ch&#225;a hoàn t&#225;t thì mi&#225;n Nam Vi&#225;t Nam sụp đ&#225; năm 1975.

## 2. VIỆT NAM DÂN CHỦ C&#225;NG HÒA (B&#225;C VIỆT NAM)

Ch&#225; tâm m&#225; cu&#225;c chiến tranh xâm lăng mi&#225;n Nam Vi&#225;t Nam, ngay t&#225; khi v&#225; Hà Nội c&#225; m&#225; quy&#225;n sau hi&#225;p đ&#225;nh Genève (20-7-1954), đ&#225;ng Lao Động (LĐ) li&#225;n tái hu&#225;n luy&#225;n “quân đ&#225;i nhân dân”. Đ&#225;o quân n&#225;y đ&#225;ng c&#225; “đ&#225;t đ&#225;i s&#225; lãnh đ&#225;o tuy&#225;t đ&#225;i, tr&#225;c ti&#225;p v&#225; m&#225;i m&#225;t c&#225;a ĐCSVN [đ&#225;ng LĐ], thu&#225;c quy&#225;n th&#225;ng lĩnh c&#225;a ch&#225; t&#225;ch n&#225;c, và ch&#225; huy, đ&#225;u hành c&#225;a b&#225; tr&#225;ng B&#225; Quốc phòng.”(10) Giúp b&#225; Quốc phòng có b&#225; T&#225;ng tham m&#225;u, T&#225;ng c&#225; chính tr&#225;, T&#225;ng c&#225; h&#225;u c&#225;n, T&#225;ng c&#225; K&#225; thu&#225;t, T&#225;ng c&#225; công nghi&#225;p qu&#225;c phòng.

Đ&#225;ng LĐ ki&#225;m soát quân đ&#225;i b&#225;ng các c&#225;p &#225;y. C&#225;p &#225;y cao nh&#225;t c&#225;a đ&#225;ng b&#225; quân đ&#225;i B&#225;c Vi&#225;t là Quân &#225;y trung &#225;ng. Trong th&#225;i kỳ chiến tranh 1946-1954, Trung &#225;ng Quân &#225;y đ&#225;ng c&#225; thành lập năm 1946, đ&#225;i thành T&#225;ng chính &#225;y năm 1948, r&#225;i T&#225;ng quân &#225;y năm 1952, và Quân &#225;y trung &#225;ng t&#225; 1961 đ&#225;n 1982.

Quân &#225;y Trung &#225;ng có nhi&#225;m v&#225; nghi&#225;n c&#225;u và đ&#225;ng đ&#225; Ban chấp hành T&#225;Đ quy&#225;t đ&#225;nh nh&#225;ng v&#225;n đ&#225; v&#225; đ&#225;ng l&#225;i, nhi&#225;m v&#225; qu&#225;c phòng và quân s&#225;, đ&#225;ng th&#225;i Quân &#225;y trung &#225;ng tr&#225;c ti&#225;p lãnh đ&#225;o T&#225;ng c&#225; chính tr&#225; quân đ&#225;i B&#225;c Vi&#225;t. Theo đ&#225;u l&#225; đ&#225;ng LĐ, Quân &#225;y trung &#225;ng bao g&#225;m m&#225;t số &#225;y viên ngoài quân đ&#225;i do B&#225; chính tr&#225; ch&#225; đ&#225;nh trong số các &#225;y viên T&#225;Đ. Trong su&#225;t th&#225;i gian chiến tranh Nam B&#225;c (1956-1975), Võ Nguyên Giáp gi&#225; ch&#225;ng c&#225;ng quân &#225;y kiêm t&#225;ng t&#225; l&#225;nh quân đ&#225;i.

Ngoài Quân &#225;y trung &#225;ng, trong t&#225;t cả các đ&#225;n v&#225; quân đ&#225;i c&#225;a B&#225;c Vi&#225;t Nam đ&#225;u có đ&#225;ng &#225;y do m&#225;t chính &#225;y đ&#225;ng đ&#225;u. Chính &#225;y và đ&#225;ng &#225;y n&#225;m quy&#225;n quy&#225;t đ&#225;nh t&#225;t cả các sinh ho&#225;t

## Các Lực Lượng Trong Nước Trong Chiến Tranh 1960-1975

T&#225;c Gi&#7843;: Tr&#225;n Gia Ph&#225;ng

Th&#7913; B&#7843;y, 05 Th&#225;ng 6 N&#259;m 2010 10:07

---

c&#225;a đ&#225;n v&#225;. H&#225; th&#225;ng đ&#225;ng y&#225; và chính y&#225; gi&#225; v&#225;ng quân đ&#225;i thành m&#225;t t&#225; ch&#225;c tuy&#225;t đ&#225;i trung thành và v&#225;ng l&#225;nh đ&#225;ng L&#225;Đ.

Quân đ&#225;i B&#225;c Vi&#225;t Nam g&#225;m c&#225; b&#225; đ&#225;i ch&#225; l&#225;c, b&#225; đ&#225;i đ&#225;a ph&#225;ng, b&#225; đ&#225;i biên phòng, và đ&#225; các quân ch&#225;ng l&#225;c quân, h&#225;i quân, phòng không - không quân. Ti&#225;n thân c&#225;a ngành H&#225;i quân B&#225;c Vi&#225;t là C&#225;c phòng th&#225; b&#225; bi&#225;n (l&#225;p 7-5-1955), C&#225;c h&#225;i quân (l&#225;p 24-1-1959) và B&#225; t&#225; l&#225;nh h&#225;i quân (l&#225;p 3-1-1964). Quân ch&#225;ng phòng không - không quân đ&#225; c&#225; chính th&#225;c thành l&#225;p ngày 22-10-1963 b&#225;ng cách h&#225;p nh&#225;t B&#225; t&#225; l&#225;nh phòng không và C&#225;c không quân. Ngoài ra, c&#225;n c&#225; các binh ch&#225;ng Pháo binh, Công binh, Thông tin (truy&#225;n tin), V&#225;n t&#225;i (thu&#225;c t&#225;ng c&#225;c h&#225;u c&#225;n). (11)

Sau năm 1954, B&#225;c Vi&#225;t Nam tái t&#225; ch&#225;c và tái hu&#225;n luy&#225;n quân đ&#225;i. Đ&#225;n cu&#225;i năm 1956, tr&#225;c khi kh&#225;i đ&#225;ng chi&#225;n tranh xâm chi&#225;m mi&#225;n Nam Vi&#225;t Nam, quân đ&#225;i B&#225;c Vi&#225;t Nam g&#225;m c&#225;: 14 s&#225; đ&#225;n (308, 304, 312, 316, 320, 325, 350, 305, 324, 330, 328, 332, 335, 338); 5 trung đ&#225;n b&#225; binh đ&#225;c l&#225;p, 4 s&#225; đ&#225;n pháo binh và phòng không; các trung đ&#225;n, ti&#225;u đ&#225;n công binh, thông tin và v&#225;n t&#225;i.(12)

T&#225; năm 1957, nhà c&#225;m quy&#225;n đ&#225;ng L&#225;Đ tái c&#225;u trúc các khu v&#225;c quân s&#225;. Theo s&#225;c l&#225;nh s&#225; 017-SL ngày 3-6-1957, B&#225;c Vi&#225;t Nam đ&#225; c&#225; chia thành các quân khu nh&#225; sau:

- Quân khu Tây B&#225;c: g&#225;m các t&#225;nh g&#225;m Lai Châu, S&#225;n La
- Quân khu Đông B&#225;c: g&#225;m các t&#225;nh L&#225;ng S&#225;n, H&#225;i Ninh.
- Quân khu Vi&#225;t B&#225;c: g&#225;m các t&#225;nh Cao B&#225;ng, B&#225;c K&#225;n, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang Vĩnh Phúc, Phú Th&#225; Lào Cai Yên Bái, năm 1958 thêm L&#225;ng S&#225;n.
- Quân khu T&#225; Ng&#225;n: g&#225;m các t&#225;nh Thái Bình, H&#225;i D&#225;ng, H&#225;ng Yên, H&#225;i Phòng, Qu&#225;ng Yên, Hà B&#225;c t&#225; năm 1958 c&#225; thêm H&#225;i Ninh.
- Quân khu H&#225;u Ng&#225;n: g&#225;m các t&#225;nh Ninh Bình, Nam Đ&#225;ng, Hà Nam, Hà Tây (Hà Đông và S&#225;n Tây h&#225;p nh&#225;t), Hòa Bình và Thanh Hóa.
- Quân khu 4: g&#225;m các t&#225;nh Ngh&#225; An, Hà Tĩnh, Qu&#225;ng Bình, Vĩnh Linh.
- Thành đ&#225;i Hà N&#225;i: tr&#225;c thu&#225;c b&#225; T&#225;ng t&#225; l&#225;nh, t&#225; 1964 đ&#225;i thành b&#225; T&#225; l&#225;nh th&#225; đ&#225;, tr&#225;c thu&#225;c quân khu 3.

Năm 1958, quân khu Đông B&#225;c gi&#225;i th&#225;, L&#225;ng S&#225;n sát nh&#225;p vào quân khu Vi&#225;t B&#225;c; H&#225;i Ninh sát nh&#225;p vào quân khu T&#225; ng&#225;n. Ngày 1-11-1963, hai quân khu T&#225; ng&#225;n và H&#225;u Ng&#225;n nh&#225;p l&#225;i thành Quân khu 3.

### Các Lực lượng Trong Nước Trong Chiến Tranh 1960-1975

Tài liệu: Trích Gia Phả  
Thư mục: B&#7843;y, 05 Tháng 6 Năm 2010 10:07

---

### 3. LỰC LƯỢNG CỘNG SẢN TỰ MIỀN NAM VIỆT NAM

Đầu tiên bắt đầu tuyển chọn, tại miền Nam Việt Nam, từ cuối năm 1956, Đảng Lao Động (LĐ) Bắc Việt ra lệnh tổ chức lại các đội vũ trang tuyên truyền tại miền Nam Việt Nam. Sau nghị quyết 15 của ban chấp hành TW ĐLĐ ở Hà Nội ngày 13-5-1959, chỉ thị về công tác tuyển chọn (tức đánh chiếm miền Nam bằng vũ lực), Đảng LĐ giao nhiệm vụ cán bộ kế hoạch quân sự tăng cường các đội vận động kích miền Nam.

Đội hình 1000 người của Đảng LĐ cũng tại Hà Nội từ ngày 5-9 đến ngày 10-9-1960, mặt trận của Đảng LĐ xác quyết kế hoạch "giải phóng" miền Nam bằng vũ lực. Đội tiên hành kế hoạch này, ngày 12-12-1960, tại Hà Nội Đảng LĐ thành lập Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam (MTDTGP). Ngày 20-12-1960, Đảng LĐ tổ chức ra mặt trận MTDTGP tại chi khu Đồng Minh Châu (tỉnh Tây Ninh), Nam Việt Nam và mặt trận MTDTGP đồng loạt huy động Trung ương cộng Miền Nam (TW CMN), cơ quan đội đầu tiên ban Chấp hành Trung ương Đảng LĐ tại miền Nam.(13)

Các lãnh đạo ban đầu là Võ Chí Công, Phùng Văn Cung, Huỳnh Tấn Phát là những đảng viên cộng sản hoạt động tại miền Nam. Lúc đó, luật sư Nguyễn Hữu Thọ, (14) phó chủ tịch Phong trào Hòa bình Sài Gòn ban chấp hành VNCH quyết định Công Sơn (Phú Yên). Cuối tháng 11-1961, quân du kích giải thoát cho Nguyễn Hữu Thọ, đưa về Tây Ninh và cộng Nguyễn Hữu Thọ làm chủ tịch MTDTGP trong Đội hình 1000 người vào tháng 2-1962. Phó chủ tịch là Võ Chí Công, Phùng Văn Cung, Huỳnh Tấn Phát, Ybik Aleo, đội đầu công Sơn Vàng, và Nguyễn Văn Hiếu làm tổng thư ký MTDTGP. Mặt trận DTGP ra "Tuyên ngôn" và "Chiến lược trình hành động mới đi m", mục đích đoàn kết toàn dân miền Nam Việt Nam chống chính quyền VNCH và "đấu quyết" M, và tiên tiến tiến hành đấu tranh.

Hai ban quản lý trong TW CMN là ban Quân sự và ban An ninh. Tháng 2-1961, Tổng quân ủy Đảng LĐ (sau đội thành Quân ủy trung ương) công bố quyết định thành lập Quân giải phóng miền Nam Việt Nam thành mặt trận phân chia quân đội Bắc Việt để chi phối miền Nam.

Quân giải phóng miền Nam của cộng sản Việt Nam gồm hai thành phần chính: Quân đội du kích địa phương tại các huyện, tỉnh miền Nam do các cấp ủy đảng địa phương thành lập và Quân đội chính quy của Bắc Việt chuyển vào.

## Các Lực Lượng Trong Nước Trong Chiến Tranh 1960-1975

T&#225;c Gi&#7843;: Trần Gia Ph&#225;ng

Th&#7913; B&#7843;y, 05 Th&#225;ng 6 N&#259;m 2010 10:07

---

Tháng 10-1963, ban Quân sự Tối CMN dời thành Bộ Chỉ huy Quân giới phóng miền Nam.

Tháng 10-1964, đơn vị L&#228; đi&#228;u chỉnh nh&#228; i&#228; chỉnh, tách Tối CMN thành hai: Tối CMN ph&#228; trách tr&#228; c&#228; ti&#228;p t&#228; Ninh Thuận vào đơn vị Cà Mau, (15) gồm 4 quân khu VI, VII, VIII và IX; t&#228; Khánh Hòa tr&#228; ra đơn vị đ&#228;o Hải Vân là quân khu V do Võ Chí Công làm bí thư khu vực.

Tính đơn vị cuối năm 1961, t&#228;i miền Nam Việt Nam, quân chủng lục quân số n&#228;ng 24,500 người và t&#228; v&#228; đ&#228;a ph&#228;ng 100,000 quân, chia ra 70,000 người Nam ph&#228;n và 30,000 người Trung ph&#228;n (khu V). Lực lượng chủng số n&#228;ng càng ngày càng tăng trưởng, nh&#228;t là t&#228; năm 1964, khi đơn vị L&#228; quy&#228;t định nh&#228; đ&#228;a nh&#228;u đơn vị quân đội chính quy Bộ Chỉ huy vào Nam: Năm 1964, Bộ Chỉ huy đ&#228;a vào kho&#228;ng 10,000 quân. Trong biên chế Mùa Thân (1968), quân chủng số n&#228;ng miền Nam thi&#228;t h&#228;i n&#228;ng nh&#228;, nên Bộ Chỉ huy ào t&#228; g&#228;i quân vào miền Nam. Cho đơn vị cuối năm 1973, quân chính quy Bộ Chỉ huy lên 100,000 và cuối năm 1974 lên 200,000 quân. (16) (Trích Việt sử địa chủng địa p 6.)

## CHÚ THÍCH

1. Đoàn Thêm, Hai mươi năm qua, 1945-1964, Sài Gòn: 1965, Cali: Nxb Xuân Thu tái bản, không dời năm, tr. 82.
2. Chính Đạo, Việt Nam niên biểu 1939-1975, tập B: 1947-1954, Houston: Nxb. Văn Hóa, 1997, tr. 292.
3. Việt Nam H&#228;ng Anh, "Công binh VNCH", Việt Báo, California: ngày 2-5-2000. Đi&#228;u n&#228;y phù hợp với báo cáo "Thành tích của Quân đội Việt Nam Cộng Hòa trong thời gian 1955-1960" đăng trong Thành tích sáu năm hoạt động của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, Sài Gòn 1960, in t&#228;i t&#228;i California năm 2007, tr. 852. Cách phân chia trên đây bất hợp lý. Ví dụ Quân khu 1 trước năm 1954 đ&#228; c&#228; chia thành Quân khu 1 (mi&#228;n Đông Nam ph&#228;n), quân khu 5 (mi&#228;n Tây Nam ph&#228;n) và Quân khu Thủ đô. Vì vậy cách phân chia n&#228;y sẽ thay đổi khi các đơn vị "quân đoàn" đ&#228; c&#228; thành lập.
4. Web: -RVNAF Table.pdf Spreadsheet on troop levels and other information : A Brief Overview of the Vietnam National Army and the Republic of Vietnam Armed Forces (1952-1975) (Presented by Mr. Stephen Sherman and Mr. Bill Laurie Supplemental Material On the TTU Web Site ).
5. Chính Đạo, Việt Nam niên biểu 1939-1975, Tập I-C: 1955-1963, Houston: Nxb. Văn Hóa, tr. 225.
6. Web: -RVNAF Table.pdf Spreadsheet on troop levels and other information .
7. Vùng I CT (b&#228; chỉ huy Đà Nẵng) đ&#228; c&#228; chia thành Khu 11 CT (Qu&#228;ng Tr&#228; và Thừa Thiên, b&#228; chỉ huy Huế), Khu 12 CT (Qu&#228;ng Ngãi) và Biệt khu Qu&#228;ng Đà (Qu&#228;ng Nam). Khu 11 CT do S&#228; đoàn 1 Bộ binh ph&#228; trách. Khu 12 CT do S&#228; đoàn 2 Bộ binh ph&#228; trách. Biệt khu Qu&#228;ng Đà do Trung đoàn 51 Bộ binh ph&#228; trách. Quân đoàn I lúc đ&#228;u có 2 s&#228; đoàn 1 và s&#228; đoàn 2. Về sau, có thêm s&#228; đoàn 3 Bộ binh đ&#228;ng Qu&#228;ng Tr&#228;. Vùng II CT (b&#228; chỉ huy Pleiku) gồm Khu CT 22 (Bình



## Các Lữ c Lữ ng Trong N c Trong Chi n Tranh 1960-1975

T&#225;c Gi&#7843;: Tr n Gia Ph ng

Th&#7913; B&#7843;y, 05 Th&#225;ng 6 N&#259;m 2010 10:07

Đ nh, Phú Yên, Phú B n, b ch huy Quy Nh n); Khu 23 CT (Darlac, Tuyên Đ c, Qu ng Đ c, Khánh Hòa, Lâm Đ ng, Bình Thu n, Ninh Thu n, Cam Ranh, b ch huy Ban Mê Thu t). Quân đoàn II có hai s đoàn là S đoàn 22 và S đoàn 23. Vùng III CT (b ch huy Biên Hòa), g m Khu CT 31 (Tây Ninh, H u Nghĩ, Long An, b ch huy Tây Ninh); Khu 32 CT (Bình Long, Ph c Long, Bình D ng, b ch huy Bình D ng); Khu 33 CT (Long Khánh, Bình Tuy, Ph c Tuy, Biên Hòa, B t khu Th đô, b ch huy Biên Hòa). Quân đoàn III có ba s đoàn là S đoàn 5, S đoàn 18 và S đoàn 25. Vùng IV CT (b ch huy C n Th ) g m có Khu 41 CT (Châu Đ c, An Giang, Sadeq, Vĩnh Long, Vĩnh Bình, b ch huy (M Tho); Khu 42 CT (Kiên Giang, Phong Dinh Ch ng Thi n, Ba Xuyên, B c Liêu An Xuyên, b ch huy C n Th ); Khu CT Đ nh T ng (g m Đ nh T ng, K n T ng, K n Hòa, Gò Công, b ch huy Đ nh T ng). Quân đoàn IV g m ba s đoàn là S đoàn 7, S đoàn 9 và S đoàn 21.

8. Bách khoa toàn th m Wikipedia, xem ch “Việt Nam C ng Hòa”.

9. Web: -RVNAF Table.pdf Spreadsheet on troop levels and other information .

10. B Qu c phòng CHXHCNVN, T đ n bách khoa quân s Việt Nam, Hà N i: Nxb. Quân Đ i Nhân Dân, 2004, tr. 835.(Trích nguyên văn.).

11. Tài li u v t m c n y d a vào T đ n bách khoa quân s Việt Nam, sđd.

12. B Qu c Phòng CHXHCN Việt Nam, L ch s quân đ i nhân dân Việt Nam (1944-1975), Hà N i: Nxb. Quân Đ i Nhân Dân, 2005, tr. 365.

13. Trung ng c c Miền Nam: Ngày 20-1-1951, X y Nam B đ i thành T CMN do Lê Du n làm bí th . Tháng 10-1954, T CMN đ i thành X y Nam B . H i ngh ì n th 3 Ban Ch p hành T Đ (khóa III) đ ng LĐ (ngày 23-1-1961) Hà N i, X y Nam B tr ì i thành T CMN. Các bí th T CMN là: Lê Du n (1951-1954), Nguy n Văn Linh (1961-1964), Nguy n Chí Thanh (1964-1967), Ph m Hùng (1967-1975).

14. Nguy n H u Th (1910-1996): Sinh t i làng Long Phú, nh Ch L n (nay là xã Long Phú, B n L c, tỉnh long An), du h c Pháp t năm 1921, đ tú tài năm 1929, t nghi p c nhân lu t t i Aix-en-Provence năm 1932, tr v nước năm 1933 và t p s lu t s t i M Tho và tr thành lu t s năm 1939. Ông tham gia Phong trào Hòa bình, b b t năm 1950 và đ c th năm 1953. Sau h p đ nh Genève, ông ho t đ ng trong Phong trào B o v Hòa bình t i Sài Gòn và b b t tháng 11-1954 và b đ a ra giam C ng S n (Phú Yên).

15. B ch huy ban Quân s T CMN g m có th u t ng Tr n L ng (tr ng ban), Ph m Thái B ng (chính y), th u t ng Tr n Văn Quang (ch huy tr ng các c ng võ trang gi i phóng miền Nam), Nguy n H u Xuy n (ch huy phó), Ph m Văn Xô (ph trách h u c n). Tháng 10-1963, b Chính tr và Quân y Trung ng đ ng LĐ thành p B ch huy Quân gi i phóng miền Nam và c p y đ ng đ ng c p, th ng đ c g i Quân y Miền và b T ì nh Miền. Ban lãnh đ o g m Nguy n Văn Linh, y viên Tr ng ng đ ng LĐ, bí th T C kiêm bí th Quân y Miền, trung t ng Tr n Văn Trà, phó t ng tham m u tr ng Quân đ i Nhân dân Việt Nam làm t ì nh Miền và t ng Tr n Đ làm phó chính y Miền.

16. Theo Wikipedia, Bách khoa Toàn th m . Bài “Quân gi i phóng miền Nam Việt Nam”. (trích ngày 25-12-2009). Wikipedia theo tài li u c a B t ng tham m u quân đ i B c Việt, L ch s C c tác chi n, Nxb. Quân Đ i Nhân Dân, Hà N i 2001.